



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

04(72) 2021

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Bí thư BCH Trung ương Đảng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii - Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe

CN. Lưu Thị Diệu Hiền

Mục lục

Kinh tế tuần hoàn: Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm quốc tế <i>Hoàng Hồng Hiệp, Phan Thị Sông Thương, Đinh Thế Toàn, Lê Văn Hà, Trần Thị Phương</i>	3
Một số giải pháp bảo vệ và phát triển di sản tư tưởng của V. I. Lênin trong tình hình mới <i>Nguyễn Quang Bình, Đặng Trung Kiên</i>	14
Khai dân trí – từ tư tưởng đến thực tiễn phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX <i>Ngô Văn Minh</i>	20
Văn bia chữ Hán về người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận <i>Đinh Khắc Thuận</i>	30
Một số đặc điểm của người Chăm ở Việt Nam hiện nay qua kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 <i>Trần Thị Phương Anh</i>	44
Nhận diện bản sắc văn hóa của người Khmer qua lễ hội Chol Chnam Thmay ở huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước <i>Trần Dũng</i>	55
Một số đặc điểm ngôn ngữ văn hoá thổ ngữ Ngọc Vũng, Vân Đồn, Quảng Ninh <i>Nguyễn Thu Huyền</i>	65
Diện mạo của văn học dịch Việt Nam tại Đài Loan từ năm 1990 đến nay <i>Trịnh Thùy Trang</i>	73

Contents

Circular economy: Theoretical issues and international experience <i>Hoang Hong Hiep, Phan Thi Song Thuong, Dinh The Toan, Le Van Ha, Tran Thi Phuong</i>	3
Solutions to protecting and developing V. I. Lenin' legacy of ideology in the new context <i>Nguyen Quang Binh, Dang Trung Kien</i>	14
Improving people's knowledge - From ideology to reality of Duy Tan movement in Quang Nam in the early 20th century <i>Ngo Van Minh</i>	20
Han Chinese epitaphs of Chinese people in Hoi An and adjacent areas <i>Dinh Khac Thuan</i>	30
Some characteristics of Cham people in Vietnam demonstrated by survey results of socio-economic situation in 53 ethnic minorities in 2019 <i>Tran Thi Phuong Anh</i>	44
Identifying cultural identity of Khmer people through Chol Cham Thmay festival in Loc Ninh district, Binh Phuoc province <i>Tran Dung</i>	55
Linguistic characteristics and dialect spoken in Ngoc Vung commune, Van Don district, Quang Ninh <i>Nguyen Thu Huyen</i>	65
A review of translated Vietnamese literature in Taiwan since 1990 <i>Trinh Thuy Trang</i>	73

Khai dân trí – từ tư tưởng đến thực tiễn phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX

Ngô Văn Minh

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: ngovanminhhvk3@gmail.com

Tóm tắt: Khai dân trí là một trong ba nội dung, và là nội dung quan trọng được đề cập đầu tiên trong chủ thuyết của các nhà Duy Tân Quảng Nam đầu thế kỷ XX và nó đã được triển khai trong thực tiễn. Vì vậy, bài viết này không chỉ tập trung trình bày chủ trương khai dân trí của bộ ba Duy Tân xứ Quảng (Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng) về mặt chủ thuyết mà còn khảo sát một số trường tân học trong công cuộc Duy Tân ở các làng xã Quảng Nam lúc bấy giờ.

Từ khóa: Khai dân trí; phong trào Duy Tân; trường tân học; Phan Châu Trinh; Trần Quý Cáp; Huỳnh Thúc Kháng.

Improving people's knowledge - From ideology to reality of Duy Tan movement in Quang Nam in the early 20th century

Abstract: Improving people's knowledge, which was put into practice, is one of the three important tasks mentioned in three leaders' doctrine of Duy Tan movement in Quang Nam in the early twentieth century (including Phan Chau Trinh, Tran Quy Cap, and Huynh Thuc Khang). This article focuses on presenting the task theoretically and examines some new style schools during the movement at villages of Quang Nam at that time.

Keywords: Improving people's knowledge, Duy Tan movement, new style schools, Phan Chau Trinh, Tran Quy Cap, Huynh Thuc Khang.

Ngày nhận bài: 07/04/2021

Ngày duyệt đăng: 10/07/2021

1. Đặt vấn đề

Chủ thuyết của bộ ba Duy Tân xứ Quảng, với người lập thuyết tiêu biểu là Phan Châu Trinh, gói gọn trong 9 chữ, hay có thể gọi là “Tam Dân” – của Việt Nam. Trong nội dung “Tam Dân” này, có nhà nghiên cứu, trong đó có Huỳnh Lý (1992, tr 38) đưa chấn dân khí lên vị trí thứ nhất, tiếp đến là khai dân trí, sau cùng là hậu dân sinh. Theo nghiên cứu này, trật tự sắp xếp mà Phan Châu Trinh đề ra là “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, bởi chính ông đã hai lần lặp lại trong thư gửi Nguyễn Ái Quốc ngày 18/2/1922, khi nói về nội dung đàm đạo giữa ông với Nguyễn Ái Quốc và Phan Văn Trường: “Bấy lâu nay tôi cùng anh và anh Phan (tức Phan Văn Trường) đàm đạo nhiều việc, mãi tới bây giờ anh cũng không ưa cái phương pháp khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của tôi”, và khi nói về nội dung bàn bạc giữa ông với Phan Bội Châu: “hồi ông (tức Phan Bội Châu) mới mưu đồ quốc sự tôi có nói với ông là ông hãy ở nhà cùng với nhân dân chí sĩ ba kỳ mà thức tỉnh nhân tâm, hợp quần hợp xã, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, ai nấy thấu rõ ngọn nguồn, đồng tâm hiệp lực đập đổ cường quyền, đồng tay sao mà chẳng vỡ nên bộp?” (Nhiều tác giả. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam (1858-1920)*. Quyển II. 1985, tr124, 127). Như vậy, khai dân trí được đưa lên đầu tiên, tiếp đến mới chấn dân khí, sau cùng là hậu dân sinh.

2. Tư tưởng khai dân trí

Trong chủ thuyết “Tam Dân” của bộ ba Duy Tân xứ Quảng (Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng), khai dân trí là mở mang trí tuệ cho dân; chấn dân khí là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, nhuệ khí đấu tranh, ý thức trách nhiệm của người dân, và cả những vấn đề sửa đổi phong tục như lối sống, nếp sống theo hướng văn minh tiến bộ; còn hậu dân sinh là làm dồi dào sinh kế của dân. Trong 3 nhiệm vụ này, khai thông dân trí được xem là chiếc chìa khóa để nâng dân khí, và một khi đã có dân trí, dân khí, dân sinh thì mới có thể nhằm đến dân quyền. Phan Châu Trinh đã nói với Phan Bội Châu rằng, khi “Dân đã biết có quyền thì việc khác đều có thể tính làm được” (Chương Thâu, 1990. Tập 6. tr116). Dân trí quan trọng như vậy nhưng các sĩ phu Duy Tân nhận thấy bấy giờ trình độ dân trí của nước ta còn quá thấp. Đây là lý do nước nhà lạc hậu. Trong *Tĩnh quốc hồn ca* viết năm 1907, Phan Châu Trinh chỉ ra những nhược điểm như người dân không tự ý thức được cái quyền của mình, không hiểu được rằng “Dân là dân nước, nước là nước dân”; thiếu tinh thần tự lập, thiếu chính khí; khur khur nệ cổ, không chịu học khôn, học khéo để tiến thân và giúp ích cho nước nhà. Về sau, trong *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam*, ông viết: “Người nước mình từ mấy trăm năm trở lại đây mờ tối như kẻ ngủ mê trăm năm, bằng mắt dậy không thấy rõ các dân tộc trên thế giới, tai không nghe phong trào trong năm châu bốn bể, chẳng khác người mê mới tỉnh” (Nguyễn Q. Thắng, 1992, tr278). Trong bài *Sĩ phu tự trị luận*, Trần Quý Cáp cũng chỉ ra thực trạng tiêu trầm của dân trí, dân khí nước nhà, nhất là ở đám sĩ phu độc thư nhưng không minh lý. Ông viết: “Sao đến nỗi một bạn học cũ, vui đầu trong đám sách nát của văn chương bát cổ, giấy mực của bốn nhà để tự khoe học rộng nhớ nhiều mà khi hỏi đến Tây Cống, Đông Kinh thì không biết đó là nơi xứ nào cả. Một số người mới say lòng nơi gấm vóc năm châu, sự phồn thịnh của Ba Đảo (Nhật Bản) uống công tranh đua với nhau về những cái hiểu biết phù hiệu mà đến việc mở trí cho quốc dân, xây dựng đời sống mới thì không được một mây may thực dụng” (Nhiều tác giả, *Trần Quý Cáp, chí sĩ Duy Tân Việt Nam đầu thế kỷ XX*, 1995, tr25).

Thực trạng dân trí, dân khí nước nhà chìm đắm là một trở lực lớn trên con đường đi đến tự cường, tự chủ, quật khởi để giành lại độc lập, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Sự chìm đắm đó của dân trí, dân khí có nguyên nhân từ sự bất cập của tư tưởng Nho giáo và nền giáo dục cử nghiệp. Chính vì vậy mà bộ ba Duy Tân xứ Quảng công khai “mạt sát khoa cử”, bài xích “lối học hủ lậu”⁽¹⁾. Phan Châu Trinh cho rằng “cái học khoa cử làm hại người nước ta đã lâu, ngày nay đã thành đồ bỏ, mà sĩ phu ta còn chun đầu vào trong như kiến - giặc mòng mê sau nầy, không cho một gậy ngang đầu, không thể nào thức dậy được” (Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng, 1959, tr18). Huỳnh Thúc Kháng cũng quy kết nguyên nhân đất nước lạc hậu là do cái học khoa cử mà ra: “Cái học khoa cử ở nước ta, đã thành ra không khí cha dạy con, thầy bảo trò, anh em bạn khuyên nhau, gần như trong đời không có việc thứ hai nữa; cho đến nỗi nước nhà suy mòn, giống nòi tan tác, mà sĩ phu trong nước cứ say mê trong vực ấy mà không tỉnh dậy” (Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng, 1959, tr12).

Với nền giáo dục của Pháp, tuy là một nước văn minh nhưng khi sang đô hộ Việt Nam, thực dân Pháp chủ trương một chính sách giáo dục chỉ nhằm đào tạo ra những con người phục vụ cho công cuộc thực dân của chúng. Cho đến năm 1906 Toàn quyền Đông Dương Paul Beau mới có Nghị định cải cách giáo dục, cho lập xã học ở chốn hương thôn, nhưng vì thiếu thầy, thiếu sách giáo khoa nên mãi tới năm 1910 mới chính thức thực hiện. Phan Châu Trinh xem đó chỉ là một lối giáo dục “lam nham”, “sự dạy dỗ gọi là cho có”, ngăn cản người Việt Nam tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của phương Tây (Huỳnh Lý và Hoàng Ngọc Phách, 1983, tr 244-245). Huỳnh Thúc Kháng, cho đến năm 1928, trong bài diễn văn đọc trước Viện Dân biểu Trung Kỳ vẫn còn tiếp tục phê phán khổ trạng học giới bó buộc: “Xứ Trung Kỳ bây giờ học cũ đã bỏ hẳn mà học mới trăm phần chưa được một, trường công không đủ dùng mà trường

tư thì không có, gia dĩ chương trình hạn chế, quy luật ngăn ngừa, dân thì lấy sự học làm sinh mạng, mà quan xem sự học như một sự thù nghịch... Nhà nước một nói rằng khai hóa, hai nói rằng hợp tác, mà về đường học giới, không chịu châm chước một cách thế nào cho thỏa hiệp, thì ước vọng thiếu niên An Nam, sẽ thành ra một bọn thất nghiệp” (Huỳnh Thúc Kháng, 6/10/1928). Chính người Pháp cũng thừa nhận, kết quả của công cuộc “khai hóa văn minh” của chính quyền thực dân Pháp chỉ là “vài trăm người An Nam nói tiếng Pháp, vài ngàn người nói sai tiếng Pháp đó là những bồi bếp, kéo xe v.v... Dân chúng còn lại thì không biết tiếng An Nam lẫn tiếng Pháp. Chúng ta phải hiểu rằng những người An Nam vẫn nói tiếng của họ, nhưng họ không biết viết và biết đọc nữa, vì những lẽ trên, mà tôi nói rằng chúng ta đào tạo những người vô học” (Nguyễn Anh, 1967, tr42).

Nhìn nước Nhật sau khi duy tân tự cường dân trí lên cao, Phan Châu Trinh càng xót xa hơn khi nói với Phan Bội Châu: “Xem dân trí Nhật Bản rồi đem dân trí ta ra so sánh, thật khác gì muốn đem con gà con đò với con chim cất già” (Chương Thâu, 1990. Tập 3, tr191). Chia tay Phan Bội Châu ở Nhật, trở về nước ông viết bài *Hiện trạng vấn đề* đăng trên tờ Đại Việt tân báo, nói thẳng với quốc dân rằng: “Trên thế giới này người ta kính nể kẻ mạnh và coi khinh những kẻ yếu, và người ta cũng chẳng rủ lòng thương hại những kẻ dốt nát và những kẻ ngu ngốc” và kết thúc bài viết bằng lời kêu gọi: “Những sự giải thoát của chúng ta là nhằm chủ yếu trong sự học hành, mở mang trí tuệ” (Lê Thị Kinh, 2001, tr152-155). Về sau, khi đã sang Pháp, Phan Châu Trinh giải thích rõ hơn về chủ trương đẩy mạnh giáo dục của mình: “Chỉ riêng giáo dục đã có thể cho phép chúng ta vươn lên nhanh chóng ngang trình độ văn minh của các dân tộc phương Tây” (Lê Thị Kinh, 2003, tr 131). Nhưng giáo dục như thế nào? Với các nhà Duy Tân, đó quyết không phải là nền giáo dục Tống Nho, là lối văn chương bác cổ - cái học đã lỗi thời, không thể giúp dân tộc ta thoát ra khỏi vòng nô lệ trong thời đại gió Mỹ mưa Âu. Các ông chủ trương: “Quyết đem học mới thay nô kiếp” (Mình Viên, 1951, tr17). Đó là một nền giáo dục tiếp cận với văn minh các nước tiên tiến, nhất là với nền văn minh phương Tây, là một nền giáo dục thực học, một nền giáo dục khai mở. Trong bài *Sĩ phu tự trị luận*, Trần Quý Cáp chủ trương nền học mới phải nhằm “mở trí cho quốc dân, xây dựng đời sống mới”, đó phải là lối học “độc thư minh lý”, tức là người học phải phát huy năng lực tư duy của mình, phải hiểu rõ nghĩa lý sâu xa trong sách và phải biết đem kiến thức thu thái được ra thực hành. Về sau, trên báo Tiếng Dân⁽²⁾ Huỳnh Thúc Kháng cũng nói rõ đó phải là một nền giáo dục khuyến khích cho người học có “cái trí não tự do phán đoán, bất kỳ là xưa nay Đông Tây, đều (điều) gì mà hợp với chân lý và sự thực, thì cho là chân chính và gắng sức học theo; đều gì mà ta thấy chỗ mặc vụng trái với chân lý và sự thực, thì rút (nhất) thiết cào bỏ cho sạch” (Khí Ưu Sinh, 11/10/1930). Phê phán lối học hủ nho, cổ động lối học mới hướng nhiều về Âu Tây nhưng các ông cũng phê phán tệ “hủ Tây”. Trong bài Điều nguy hiểm trong học giới nước ta, học mà không biết chọn”, khi nhắc lại lời cảnh báo của Phan Châu Trinh: “Ngày trước học Hán thì mang tiếng “hủ nho”, mà ngày nay học Tây lại mang tiếng “hủ Âu”, Huỳnh Thúc Kháng còn nói rõ thêm cái tệ “hủ Âu” của học giới nước nhà: “Ngày trước học Hán văn, chăm chú vào khoa danh lợi lộc, cốt làm sao cho đạt được cái mục đích “thi đỗ làm quan” thì ngày nay cốt sao cho đạt được tấm bằng để kiếm việc làm, mà việc làm ấy không ngoài phạm vi thân gia. Ngày trước học Hán văn, đọc sách làm văn, theo lối tám chương không cần biết đến thực dụng học văn của thánh hiền là thế nào, nên mài miệt theo mậu thuyết Tống nho mà hết ngày. Ngày nay học Âu cũng không cần khảo sát đến chế độ, học thuật, lý thuyết thực tế của Âu Tây, mà chỉ lượm một ít lối văn tiểu thuyết để lòe đời. Ngày trước Hán học, nói liêm sỉ, nói nhân nghĩa, toàn là lời suông trên mặt giấy mà đến khi nhúng tay vào việc thì lấm kẻ trở ra ngón tham gian tàn bạo trái với sự học mà đành lòng làm được. Ngày nay Âu học, những tiếng chân lý, nhân đạo, cùng công tâm công lợi, thường thấy phơi bày nơi tập chương trình, bài diễn văn, mà rút cuộc không mấy ai giữ y lời hứa” (Ngu

Sơn, 28/9/1937). Cả trong hai bản *Tinh quốc hồn ca*, Phan Châu Trinh đều thể hiện khá rõ tư tưởng của mình về nền học mới. Đó là học trọng về luân lý sống ở đời, về trách nhiệm công dân. Mục đích học không phải để đi thi lấy bằng ra làm quan mà để nâng cao sự hiểu biết của mình nhằm lập nghiệp và lập thân phục vụ cho đồng bào, đất nước. Sự học mà các nhà Duy Tân chủ trương là học để làm người - làm cho hết nghĩa vụ một người đối với nhân quần xã hội" (Hải Âu, 17/5/1930). Đó phải là một nền thực học trọng về thực nghiệp, nhà trường phải dạy nghề cho học sinh, mỗi người phải học lấy nghề cho mình: "*Học là học có nghề có nghiệp/ Trước nuôi mình sau giúp người ta*" (Lê Cơ), và: "*Mau mau đi học lấy nghề/ Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau*" (Phan Châu Trinh).

Muốn nhanh chóng tiếp thu kiến thức mới, các nhà nho Duy Tân ra sức cổ động việc học chữ quốc ngữ theo mẫu tự Latin. Các ông xem đây là phương tiện hữu hiệu hơn cả, vì chữ Hán khó học, phải mất nhiều năm, trong khi đó chữ quốc ngữ theo mẫu tự Latin đơn giản, dễ học. Bài ca *Khuyên học chữ quốc ngữ*⁽³⁾ tại trường Diên Phong vào khoảng năm 1906 - 1907 có đoạn:

*Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tính trước dân ta
Sách Âu Mỹ, sách Chi Na,
Chữ kia chữ nọ dịch ra tỏ tường.*

Khoảng 30 năm sau, nhìn lại chủ trương khai dân trí Huỳnh Thúc Kháng cho rằng ở vào những năm đầu thế kỷ XX việc "để xướng bài khoa cử, bỏ học nho và khuyên học chữ quốc ngữ... là "tư tưởng mới, đi trước một bước mà tỉnh thức cái giấc mê mộng ngàn năm" (T.D, 30/5/1934).

3. Phong trào tân học ở các làng xã Quảng Nam

Với sự cổ động của các nhà Duy Tân Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, và sự hăng hái đứng ra tổ chức của những người hưởng ứng ở hương thôn, chỉ trong một thời gian ngắn các trường tân học được lập nên ở nhiều phủ huyện của Quảng Nam⁽⁴⁾. Theo Huỳnh Thúc Kháng thì vào năm 1906 - 1907 ở thôn quê Quảng Nam đã có đến 50, 60 trường dạy quốc ngữ "không những trẻ con, người lớn cũng ôm vở đi học quốc ngữ một cách sốt sắng". Nổi tiếng hơn cả là các trường Diên Phong, Phú Lâm, Phúc Bình (T.D, 30/5/1934). Tính đến năm 1908, số trường tân học ở Quảng Nam đã lên tới số trăm, vì theo báo cáo mật của Chánh tổng Bùi Tuy, Phó tổng Phan Tịch và Lê Hợi gửi Tri phủ Tam Kỳ đề ngày 16 tháng 3 năm Duy Tân thứ 2 (16/4/1908) thì mới kê sơ qua 39 trong tổng số 56 xã thôn của tổng Phước Lợi thôi (gồm phía Tây huyện Phú Ninh và phía Đông huyện Tiên Phước bây giờ) đã có đến 64 trường dạy quốc ngữ rồi (Trần Ngọc Chương, 1980).

Trường Phú Lâm là trường tân học đầu tiên của phong trào Duy Tân do Lê Cơ, với sự trợ giúp của cử nhân Lê Xuân Lượng lập ra. Lá đơn xin lập trường do Lê Cơ viết gửi Tri phủ Thăng Bình vào ngày mùng mười tháng giêng năm Thành Thái thứ 16 (25/2/1904) và trường chính thức khai giảng vào ngày rằm tháng 3 năm Giáp Thìn (30/4/1904). Từ một lớp học ban đầu, ban ngày dạy thanh thiếu niên, tối dạy cho những người ở độ tuổi trung niên, Lê Cơ tiếp tục vận động dân làng lập thêm một lớp học riêng cho nữ giới. Cũng có khi thấy học sinh quá đông, ông còn vận động các thầy chùa cho mở lớp học ngay tại chùa. Giáo viên nữ có cô Lê Thị Mười (thường gọi là cô Mười Cờ) và cô Bảy Lệ. Giáo viên nam có ông Tú họ Dương (người làng Việt An, nay thuộc xã Bình Lâm, huyện Thăng Bình), ông Ngô Khởi (ở huyện Quế Sơn), cùng vài người nữa đến dạy chữ quốc ngữ. Tính đến năm 1908, trong khoảng 1.200 dân của xã Phú Lâm, trong đó có độ 850 người từ 14 tuổi trở lên, đã có hơn 650 người đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ, một số thanh niên bắt đầu học chữ Pháp, đến năm 1907 lại có một số bí mật học tiếng Nhật với Lê Duyệt (người làng Thạnh Bình, nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên

Phước) từng xuất dương sang Nhật, nhưng được một thời gian thì quay về (Ngô Văn Minh, 2012, tr 87-97).

Trường Diên Phong ở làng Phong Thử do cử nhân Phúc Thúc Duyệt lập nên, gồm hai cơ sở, một ở ngay hợp thương và một ở chùa Phong Thử, có nhiều thầy giáo có trình độ học vấn cao, ngoài cử nhân Phan Thúc Duyệt còn có cử nhân Mai Dị dạy chữ Hán và tân thư, thông phán Phan Thành Tài dạy chữ quốc ngữ, chữ Pháp và toán. Số học sinh của trường cả ban I của trẻ nhỏ và ban II của người lớn cũng trên dưới 200 người (Nguyễn Văn Xuân, 1995, tr 172-173). Đến nay vẫn còn lưu truyền bài ca chúc thọ cụ Phan Thúc Duyệt 70 tuổi của dân làng Phong Thử (Nguyễn Văn Xuân, Đàm Văn Chí, Nguyễn Q. Thắng, Võ Đạt, 1997, tr 30-31):

*... Diên Phong lập một học đường
Chữ tây, quốc ngữ dạy phườn thiếu niên
Khắp tất cả các miền nguồn, biển
Thầy đều giảng diễn sách duy tân...*

Với ngôi trường nổi tiếng thứ ba là trường Phúc Bình ở về miền nguồn huyện Quế Sơn. Trường này do ông Trần Hoàn, còn gọi là Cửu Cai, vì ông từng làm cai ở mỏ than Nông Sơn, cũng do đó nên ông biết tiếng Pháp. Sau khi thôi làm ông đứng ra mở lớp dạy, có khoảng 40-50 học sinh theo học. Chúng tôi có hỏi thăm người địa phương xã Sơn Yên huyện Nông Sơn, nơi đặt ngôi trường này khoảng 115 năm trước nhưng rất tiếc vẫn không có ai biết gì thêm.

Tại phủ lý Thăng Bình còn có trường do chính Trần Quý Cáp lập khi ông vào làm giáo thọ phủ này năm 1906. Ông Trần Huỳnh Sách cho biết: «Năm Bính Ngọ (1906), Tiên sinh (tức Trần Quý Cáp, thầy dạy của Trần Huỳnh Sách) đương ở Nông hội Yến Nê, đặc chỉ bổ giáo thọ phủ Thăng Bình tỉnh Quảng Nam. Tiên sinh không muốn đi, thân bằng lấy sự nhà nghèo mẹ già khuyên mãi tiên sinh mới chịu đi. Tiên sinh mở một lớp học ngay trong trường giáo, rước thầy dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Học trò xa gần đến học có hơn đôi trăm” (Nhiều tác giả, *Trần Quý Cáp ngàn năm gương sáng*, 2012, tr20-21).

Trong tác phẩm *Phong trào Duy Tân*, cố học giả Nguyễn Văn Xuân có liệt kê thêm một số tên trường tân học mà ông cho là trong vòng ảnh hưởng của trường Diên Phong:

- Trường Bảo An tại làng Bảo An;
- Trường Phú Bông do ông tú tài Trương Ngọc Phiên lập, có 3 lớp. Giáo viên có ông Trương Tuấn dạy quốc ngữ, ông Nguyễn Tăng Côn (còn gọi là Thông Cào) dạy Pháp văn;
- Trường Quảng Huế tại chợ Quảng Huế, do ông Nguyễn Hòa dạy;
- Trường La Châu ở làng Cẩm Toại, do ông Lâm Nhĩ dạy. Theo tôi có lẽ đây là trường Cẩm Toại đặt tại vườn ông Tư Mười mà tôi sẽ nói ở đoạn dưới;
- Trường Lạc Thành do ông Nguyễn Cự dạy;
- Trường Quảng Phước ở làng Phước Kiều do ông Nguyễn Phiên, người nhà giảng dạy;

Qua khảo cứu từ các tài liệu và thực tiễn nghiên cứu đã phát hiện, thu thập thêm thông tin những trường tân học sau đây:

- Trường Cẩm Toại do tú tài Lâm Hữu Mẫn lập nên tại vườn ông Tư Mười (tên thường gọi của ông Lâm Nhĩ bấy giờ làm tư lễ trong làng, ông là con thứ mười trong gia đình), sát đường hàng tổng, cạnh cầu Muồng trông thẳng ra cánh đồng La Châu trước mặt. Ông Lâm Hữu Mẫn từng tham gia phong trào Nghĩa hội, giữ chức bang tá tỉnh vụ. Sau khi Nghĩa hội tan rã ông trở về quê mở trường dạy chữ Hán cho học trò, qua đó cũng lấy làm nơi lui tới cho các sĩ phu trong vùng. Đến khi có phong trào Duy Tân ông hưởng ứng bằng việc chuyển trường Nho học thành trường tân học dạy theo nội dung của phong trào, rồi sau đó giao trường lại cho con trai là Lâm Quang Tự còn mình thì tập hợp thanh niên trong vùng đi lập nông hội. Sau cuộc chống

sưu thuế bị đàn áp, ông Lâm Quang Tự chuyển trường đến địa điểm mới, chính là trường tiểu học An Phước ở xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng hiện nay.

- Trường Vân Dương (nay thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) do tú tài Lê Quang Vỹ mở. Ông này có bị bắt trong phong trào chống thuế, bị kết tội „đã được hưu quan trong hạt ủy đi hiểu thị, lấy cớ là đi một mình không tiện“, bị phạt 100 gậy, đày 3000 dặm (Nguyễn Thế Anh, 2008, tr 54-58).

- Trường Quán Khái (nay thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng) do cử nhân Lê Bá Trinh lập, thu nhận học sinh các làng lân cận.

- Trường An Hòa do Tú Xước, Tú Điền, Khóa Nga và Giáo Thúc (Nguyễn Như Thúc) vận động thành lập. Tại trường này có đôi câu đối cổ động mạnh mẽ cho phong trào tân học:

*Chữ Sĩ Nhiếp sắp về già, chép để nghìn thu mong bạn trẻ,
Chèo Kha Luân (Côlômbô) ngay ở trước, vượt qua bốn bể cậy về sau.*

Và,

*Dù dẫu đã có thầy, nhắm ngọn tân trào đưa thẳng tới,
Siêng năng theo kịp bạn, bắt thang tiến bộ bước lần lên.*

- Cũng ở phía bắc Quảng Nam còn có trường Túy Loan do Nghè Mai (Đặng Bá Mai) lập, và các trường Hương Lam, Khương Mỹ, An Tân, Bồ Bản, Lỗ Giản.

Về phía nam Quảng Nam, ngoài hai trường Phú Lâm và Phúc Bình ra, như đã dẫn chỉ riêng tổng Phước Lợi thôi cũng đã cho thấy số trường tân học rất nhiều. Sau đây là một số trường ở khu vực phía nam:

- Trường Cẩm Y (nay thuộc xã Tiên Cẩm, huyện Tiên Phước) do ông Phan Quang cùng một số thân sĩ lập ra. Ông này cho biết: „Việc dạy quốc ngữ cho người có tuổi, thì cứ vào tháng 9, tháng 10 mưa gió dân không đi làm được, ai nấy đều đi học ban ngày, nên có nhiều người mau biết chữ“ (Trần Ngọc Chương, 1980).

- Trường Thạnh Bình (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước) do chính Huỳnh Thúc Kháng và Lê Vĩnh Huy vận động thân sĩ trong làng lập nên. Huỳnh Thúc Kháng viết trong „Tự truyện“ ở niên biểu 1906 là ông «cùng đệ tử trong làng mở một nhà học, rước thầy về dạy chữ Tây và quốc ngữ cho con em» (Huỳnh Thúc Kháng, 1963, tr28). Chỉ „chưa đầy 4 năm (1905-1908) đa số nhân dân lao động từ 12 tuổi trở lên đều biết đọc biết viết chữ quốc ngữ, một số thanh niên bắt đầu học chữ Pháp, Nhật“ (Trần Ngọc Chương, 1980).

- Trường Tân Xuân lập cho hai làng Tân An Tây và Bình An Xuân (nay thuộc xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước) do Nguyễn Xuân Vận và Trần Huỳnh vận động lập nên, cũng dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp (Trần Ngọc Chương, 1980).

- Trường Tây Lộc (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh) là quê hương của Phan Châu Trinh. Trường này vẫn dạy Hán văn và có dạy Pháp văn, có hơn 40 học sinh theo học (Nguyễn Q. Thắng, 1992, tr318).

Theo Nguyễn Văn Xuân (1995, tr173-174), về sách dạy chưa có một chương trình rõ ràng, gặp sách nào hay thì đem ra dạy, gặp bài thơ nào khoái chí thì đem ra giảng. Toán thì dạy cho phép cộng, trừ, nhân, chia, tính đổ⁽⁵⁾, về sau có sách của Trần Văn Thông ở Bắc gửi vào. Về các mặt tư tưởng, khoa học, địa lý, lịch sử thì dạy bằng các sách chữ Hán của tác giả Việt hay Trung Hoa. Các cuốn rất thông dụng là: (1) „*Giáo khoa*“ của Tào (mở đầu bằng câu Thiên địa anh khí chung vi nhân, có vẽ hình chim, cá...); (2) *Bác vật chí*: Sách do Phạm Phú Thứ để tựa và ấn hành, dạy về các môn khoa học như sấm, chớp, điện lực, xe lửa v.v...; (3) *Dinh hoàn chí lược* là một quyển sách địa lý tiếng tăm của Trung Hoa đã truyền sang Nhật Bản, Việt Nam trước đó

khá lâu. Nhờ quyển sách này mà nhiều nước châu Á biết được địa lý (và ít sử) thế giới; (4) Đại Nam nhất thống chí viết về địa lý, kinh tế, xã hội Việt Nam; (5) *Quảng Nam địa dư chí* viết về địa lý tỉnh Quảng Nam; (6) *Việt sử cảnh* của Hoàng Cao Khải viết về các thời Đinh, Lê, Lý, Trần (có lẽ khoảng 1908 mới học); (7) *Cách ngôn liên bích*: Trích cảm, v.v.... Như vậy, chương trình dạy ở các trường Duy Tân bấy giờ bao gồm kiến thức của nhiều lĩnh vực xã hội và tự nhiên như lịch sử, địa lý, toán đố, công dân, các môn khoa học thường thức.

Một số bài học được viết theo thể loại ca, về để học sinh dễ nhớ những kiến thức phổ thông, và cũng nhằm qua đó để học sinh khi về nhà đọc lại nhằm mở rộng tầm tuyên truyền ra phụ huynh theo tinh thần "*Một người học muôn người đều biết/ Trí đã khôn trăm việc sẽ hay/ Lợi quyền đã nắm trong tay/ Có ngày tiến hóa có ngày văn minh*".

Chẳng hạn, bài *Về trái đất* có những câu:

*Lặng lặng mà nghe,
Cái về trái đất,
Năm châu ở chật,
Châu Á lớn hơn,
Thiên vận tuần hoàn,
Châu Âu khôn trước,
Giàu hơn các nước,
Châu Mỹ ai bì,
Châu Úc, châu Phi,
Chịu phần liệt bại
Giống đen khờ dại,
Giống trắng khôn ngoan
Còn giống da vàng,
Cũng đã kha khá,
Phương Đông châu Á,
Nhật Bản văn minh,
Đánh Nga Nga kinh,
Đánh Tàu Tàu chạy.*

.....

Hay *Bài ca cân lường* có những câu:

*Vật trong trời đất,
Nhẹ nặng không thường,
Lấy lít mà lường,
Cân thì biết sức
Bạc kim nặng nhứt
Hai mươi hai lần
Vàng mười chín cân
Hăm lăm số lẻ,
Bạc kia chẳng nhẹ
Mười lít năm phân.
Còn giống thủy ngân
Mười ba lẻ sáu.*

..... (Lâm Quang Thự, 1974, tr59 - 63)

Điểm đặc biệt về nội dung tư tưởng trong các bài giảng ở các trường tân học bấy giờ là nhấn mạnh đến tinh thần yêu nước, căm thù quân xâm lược, khích lệ ý chí tiến thủ và tinh

thần tự tôn dân tộc, tự lập, tự cường. Bản báo cáo của viên công sứ Quảng Nam Charles ngày 08/01/1908 mà bà Lê Thị Kinh sao được từ Trung tâm lưu trữ quốc gia hải ngoại Pháp đem về, nói rõ: “Hội kín ở Quảng Nam tiếp tục công cuộc tuyên truyền chống Pháp và tư tưởng quốc gia. Trong hai phủ Thăng Bình và Tam Kỳ họ nắm các trường học và điều hành việc dạy học. Họ trao cho học sinh những tài liệu kích thích tinh thần yêu nước, hận thù quân xâm lược, xem thường cái chết. Mỗi người phải sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc. Thật là những bài học tuyệt vời về chí khí. Chỉ tiếc là chúng ta một ngày kia phải trả giá cho sự giáo dục ấy mà thôi. Tôi có trong tay một số bài phổ cập trong các trường. Có những tiêu đề rất gợi cảm: “Khóc cho thân phận con em An Nam”, “Sự diệt vong của một đất nước”. Tác giả là Sào Nam Tử (tức Phan Bội Châu). Nhiều bài được viết bằng văn nôm để mọi người dễ đọc, dễ hiểu” (Lê Thị Kinh, 2001, tr50-51).

Không khí học tập ở các trường duy tân khá phấn khích. Nhiều trường đánh trống vào đầu giờ và cuối buổi học. Các nhà Duy Tân gọi là tiếng trống đuổi ma cổ hủ (*Trống tấn học đuổi ma cổ hủ/ Mồ dân quyền khéo gõ nên kêu*). Học sinh trường Phú Lâm mỗi khi tan buổi học còn đứng dậy ca bài ca do Huỳnh Thúc Kháng tặng cho làng với mười lời chúc, trong đó có câu: “*Bốn, chúc đạo khai dân trí/ Dạy con em nghĩa lý cho mình*”. Ngoài học khóa, nhà trường còn tổ chức các cuộc du ngoạn (tham quan), các buổi diễn thuyết về học hành, sinh hoạt xã hội, những việc thay đổi ở ngoài nước (Lâm Quang Thự, 1974, tr53-54). Giữa các trường còn luân phiên nhau tổ chức khảo hạch, “mỗi lần khảo hạch, học trò đi tới các phủ huyện, làm cho lối học bất cổ giá áo túi cơm mấy trăm năm, từ nay phải xếp lại” (Nhiều tác giả, *Trần Quý Cáp ngàn năm gương sáng*, 2012, tr30).

Một số trường tân học còn dạy võ dân tộc và các ngành nghề thủ công thiết thực. Lịch học được thực hiện theo phương châm “thả học thả canh” tức là vừa làm ruộng vừa học, chỉ dạy vào những lúc nông nhàn, nghỉ vào những ngày mùa để lo gặt hái. Thầy dạy là người hưởng ứng phong trào nên không nhận lương, với học sinh nghèo một số làng Duy Tân còn trích quỹ hội thương, nông đoàn mua giấy mực cấp cho.

Các nhà Duy Tân còn sáng tác rất nhiều thơ ca, hò vè với nội dung yêu nước và tổ chức diễn thuyết về chủ đề khai trí, trị sanh, tịnh xa, sùng kiệm cho nhân dân ở các làng Duy Tân (Khai trí là mở mang việc học mới. Trị sanh là ăn ở hợp vệ sinh. Tịnh xa là không tiêu xài phung phí vào những việc vô ích. Sùng kiệm là kiệm ước trong chi tiêu). Trần Quý Cáp là người rất nhiệt tâm với công tác tuyên truyền này. Các tác giả *Việt Nam nghĩa liệt sử* viết: “Được cái quyền sách “Dân ước” của Lư Thoa và “Pháp ý” của Mạnh Đức, thì ông ham mê quên ăn quên ngủ... Thế rồi đi khắp thôn quê thành thị, mưa nắng không nài, để nói chuyện với dân chúng. Lúc nói thì kể chuyện từ Đông sang Tây, từ nhỏ đến lớn, vạch rõ các tập tục hủ lậu của nước ta, ngu hèn yếu đuối của dân ta và tỏ lòng đau xót. Ông nói như hát như khóc, như cười như mắng. Xét về kết luận là công kích cựu học, khuyến khích dân tộc, khai thông dân trí để xứng dân quyền” (Đặng Đoàn Bằng và Phan Thị Hán, 1972, tr44-45). Các cuộc diễn thuyết này đã có tác dụng khai dân trí cho quảng đại quần chúng nhân dân và nhất là đã tác động mạnh đến tư tưởng của họ, như các tác giả *Việt Nam nghĩa liệt sử* ghi nhận là nhờ Trần Quý Cáp diễn giảng nhiều nên “các danh từ “dân quyền”, “công lý” rộng khắp dân gian, người Pháp rất là căm ghét” (tr45), hay khi phong trào chống sưu thuế nổ ra, tại phủ đường Tam Kỳ Lê Cơ đã nói với viên Tri phủ Tạ Kinh Tú: “Tình thế này mà quan lớn còn nói cứng thì nguy to, vì dân chúng hấp thụ dân quyền của ông Lư Thoa, Mạnh Đức Tư Cưu, họ có coi quan quyền ra gì đâu...” (Trần Ngọc Chương, 1980).

4. Kết luận

Khai dân trí theo tinh thần “tự lực khai hóa” là một chủ trương lớn trong tư tưởng cứu nước của các nhà Duy Tân Quảng Nam. Tuy không hình thành một trung tâm giáo dục lớn

như Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội nhưng hoạt động khai dân trí ở Quảng Nam diễn ra sôi nổi khắp các làng quê và cũng đã thu nhiều kết quả không chỉ với học sinh tại các trường tân học mà còn mở rộng ra quảng đại quần chúng nhân dân. Ngày nay nhìn lại, tư tưởng về “quảng học vấn”, chủ trương xây dựng một xã hội học tập, học để làm việc, làm người, phục vụ cho nhân dân đất nước của các nhà Duy Tân Đất Quảng vẫn đang là vấn đề thời sự của sự nghiệp giáo dục nước ta ngày nay, khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cả về mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân; đa dạng hóa các loại hình đào tạo; thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo đúng hướng, hiệu quả (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Tập 1, tr136, 137,139)/.

Chú thích:

(1) Chữ dùng của Huỳnh Thúc Kháng trong *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện* (1963). Anh Minh dịch và xuất bản, tr27.

(2) Trên báo Tiếng Dân Huỳnh Thúc Kháng viết bài với nhiều bút danh như: Khỉ Ưu Sinh, Ngụ Sơn, Hải Âu, T.D.

(3) Về tác giả của bài ca này, Ông Trần Huỳnh Sách, học trò của Trần Quý Cáp khi viết tiểu sử thầy mình vào năm 1956 cho rằng Trần Quý Cáp làm bài *Chiêu hồn nước*, có câu: “*Chữ quốc ngữ là hồn trong nước/ Phải đem ra dạy trước dân ta*” v.v... (Nhiều tác giả, *Trần Quý Cáp, ngàn năm gương sáng*, 2012, tr19). Sách *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam (1858-1920)* (Nhiều tác giả, 1985, tr255-256) để tên bài là *Khuyến người nước học chữ quốc ngữ* cũng ghi tác giả là Trần Quý Cáp. Gần đây, trong sách *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập* (Chương Thâu và Phạm Ngô Minh, 2010, tr79), ghi của Huỳnh Thúc Kháng. Tôi cũng đọc được bài ca này trên *Đại Nam (Đảng cổ tụng báo)* (1907), tr 216 với tên là *Bài ca khuyến người Nam nên học chữ quốc ngữ*, nhưng chỉ ghi là của ông X soạn ra. Nội dung bài đăng có một số từ viết sai chính tả theo lối phát âm của người miền Bắc, ví như “canh trạnh” viết thành “chanh cạnh”, “bỏ đại” thành “bỏ giải”, và chỉ có đoạn đầu chứ không có đoạn thứ hai như đã dẫn trong bài đăng báo Tiếng Dân (1939), số 1331, ngày 23/3 như hai soạn giả Chương Thâu và Phạm Ngô Minh đã dẫn.

(4) Trong tham luận *Từ phong trào Duy tân ở Quảng Nam đến Đông Kinh nghĩa thực và cuộc vận động duy tân ở Bắc Kỳ* tại Hội thảo “Một trăm năm Đông Kinh Nghĩa thực” tổ chức tại trường Đại học Phan Châu Trinh (Hội An) năm 2007, đã được in thành sách *100 năm Đông kinh nghĩa thực* (nhiều tác giả, 2008, tr200), tôi có lấy làm băn khoăn là không hiểu vì sao từ những năm đầu của thế kỷ XXI này có tác giả gán thêm cho các trường học của phong trào Duy tân ở Quảng Nam hai chữ “nghĩa thực”, khiến dễ bị hiểu lầm là các trường này chịu ảnh hưởng từ Đông Kinh Nghĩa thực ở Hà Nội dội vào, trong khi bấy lâu chỉ gọi là trường dạy quốc ngữ, hay trường tân học (dạy theo lối mới).

(5) Giáo sư Lê Trí Viễn cho biết: „Ông anh cả của tôi còn giữ một cuốn vở khổ nhỏ, bìa giấy bồi sim trong đó có ghi các phép tính hình học, cả đại số và phép khai phương. Ông học tại một trong các trường, đó là trường Phong Thử của ông Cử Duyện” (Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng, 1993, tr300).

Tài liệu tham khảo

Chương Thâu. (1990). *Phan Bội Châu toàn tập*, T3. Nxb Thuận Hóa. Huế.

Chương Thâu. (1990). *Phan Bội Châu toàn tập*, Tập 6. Nxb Thuận Hóa. Huế.

Chương Thâu, Phạm Ngô Minh. (2010). *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*. Nxb Đà Nẵng. Đà Nẵng.

- Đại Nam (Đăng cổ tùng báo). (1907). Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập 1. Nxb CTQG – ST. Hà Nội.
- Đặng Đoàn Bằng, Phan Thị Hán. (1972). *Việt Nam nghĩa liệt sử*. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Hải Âu. (1930). *Học để làm gì?* Báo Tiếng Dân, số 282, ngày 17/5/1930.
- Huỳnh Lý. (1992). *Phan Châu Trinh, thân thế và sự nghiệp*. Nxb Đà Nẵng.
- Huỳnh Thúc Kháng. (1928). *Bài diễn văn khai hội của ông Nghị trưởng Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ*. Báo Tiếng Dân, số 119, ngày 6/10/1928.
- Huỳnh Thúc Kháng. (1963). *Tự truyện*. Anh Minh dịch và xuất bản. Huế.
- Huỳnh Lý, với sự cộng tác của Hoàng Ngọc Phách. (1983). *Thơ văn Phan Châu Trinh*. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Khí Ưu Sinh. (1930). *Những điều khuyết điểm của Khổng giáo*. Báo Tiếng Dân, số 324, ngày 11/10/1930.
- Lâm Quang Thự. (1974). *Quảng Nam. Địa lý, lịch sử, nhân vật*. Ban Liên lạc Hội đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh hóa xuất bản. Thanh Hóa.
- Lê Thị Kinh. (2001). *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Nxb Đà Nẵng.
- Lê Thị Kinh. (2003). *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Tập II. Nxb Đà Nẵng.
- Mính viên Huỳnh Thúc Kháng. (1959). *Phan Tây Hồ tiền sinh lịch sử*. Anh Minh xuất bản. Huế.
- Mính Viên. (1951). *Thi tù tùng thoại*. Nam Cường xuất bản. Sài Gòn.
- Ngu Sơn. (1937). *Điều nguy hiểm trong học giới nước ta là Học mà không biết chọn*. Báo Tiếng Dân, số 1114, ngày 28/9/1937.
- Nguyễn Anh (1967). *Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến cuối chiến tranh thế giới lần thứ nhất*. Tạp chí nghiên cứu lịch sử, số 98. Hà Nội.
- Ngô Văn Minh. (2012). *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Q. Thắng. (1992). *Phan Châu Trinh, Cuộc đời và tác phẩm*. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Nguyễn Thế Anh. (2008). *Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các châu bản triều Duy Tân*. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Xuân. (1995). *Phong trào Duy tân*. Nxb Đà Nẵng.
- Nguyễn Văn Xuân, Đàm Văn Chí, Nguyễn Q. Thắng, Võ Đạt. (1997). *Phan Thúc Duyện trong phong trào duy tân Việt Nam*. Nxb Văn hóa. Hà Nội.
- Nhiều tác giả. (1985). *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam (1858-1920)*. Quyển II. Nxb văn học. Hà Nội.
- Nhiều tác giả. (1993). *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*. Nxb Đà Nẵng.
- Nhiều tác giả. (1995). *Trần Quý Cáp, chí sĩ duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Nxb Đà Nẵng.
- Nhiều tác giả. (2008). *100 năm Đông kinh nghĩa thực*. Nxb Tri thức. Hà Nội.
- Nhiều tác giả. (2012). *Trần Quý Cáp, ngàn năm gương sáng*. Nxb Văn học.
- T.D. (1934). *Học giới ta ngày nay không phải thời kỳ nói suông nữa*. Báo Tiếng Dân, số 695, ngày 30/5/1934.
- Trần Ngọc Chương. (1980). *Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân huyện Tiên Phước (sơ thảo)*. Tài liệu đánh máy.